BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 06 năm 2023

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY NGÀNH Y SỸ ĐA KHOA

Cơ sở 23 Hữu Nghị, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Tin học	Ngoại ngữ	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Huỳnh Hoài Phương	BS. Y Đa khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 004433/TV-CCHN ngày 20/01/2022; - CC ĐTLT Sư phạm Y học căn bản	THUD VPNC	B	- Bệnh học người lớn 1; 3 - Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1; 3
2	Lê Đào Minh Trang	BS. Y học cổ truyền	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 055022/HCM-CCHN ngày 13/09/2022;	UDCN TT cơ bản	B	- Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng; 2
3	Lâm Vĩnh Hảo	BS. Y Đa khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CC Siêu âm tổng quát; - CC Phương pháp dạy học lâm sàng; - CC lý luận và phương phương pháp dạy học Y học	THUD	B2	- Bệnh học người lớn 2; 3 - Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2; 3
4	Lê Quốc Hùng	ThS. Ký sinh trùng Y học	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 018957/HCM-CCHN ngày 14/09/2017;	THUD VPNC	B	- Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi (Vi sinh – ký sinh trùng, sinh lý bệnh, dược, sinh dưỡng); 3
5	Nguyễn Hữu Vinh	BS. Y Đa khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 005383/TG-CCHN ngày 01/04/2020;	THUD VPNC	B2	- Bệnh học người lớn 3; 4 - Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3; 3

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Tin học	Ngoại ngữ	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
6	Nguyễn Minh Quân	ThS. Y học nội khoa	NVSP dành cho giảng viên	- CCHN khám chữa bệnh số 030174/BYT-CCHN ngày 30/09/2016;	THUD A	B2	- Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; 3 - Lâm sàng Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; 2
7	Phạm Ngọc Đồng	BS. Y Đa khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 002585/BRVT-CCHN ngày 16/09/2014; - CC ĐTLT Sư phạm Y học cơ bản	THUD VPNC	B	- Sản; 3 - Thực hành lâm sàng Sản; 2
8	Phạm Thị Ánh Hằng	ThS. Y học cổ truyền	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 010623/ĐNAI-CCHN ngày 19/12/2016; - CCĐT Định hướng chuyên khoa phục hồi chức năng;	THUD A	B	- Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng; 2 - Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng; 2
9	Trương Thị Anh	BS. CKII. Lao	NVSP dành cho giảng viên	- CCHN khám chữa bệnh số 009630/HCM-CCHN ngày 13/08/2013; - GCN tham gia đào tạo khoá học: Bệnh lý tim, hô hấp khi ngủ; - CN ĐTLT Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính; - GCN tham gia đào tạo khoá học: Chuẩn đoán và điều trị HIV/AIDS; - GCN ĐTLT Cập nhật chuẩn đoán và điều trị bệnh lý tắc nghẽn đường dẫn khí nhỏ; - CN ĐTLT Nâng cao năng lực đọc Xquang Lồng ngực.	UD CNTT cơ bản	B1	- Bệnh chuyên khoa nâng cao; 3 - Lâm sàng Bệnh chuyên khoa; 3

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Tin học	Ngoại ngữ	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
10	Đỗ Ngọc Chánh	BS. CKI. Bác sĩ gia đình	NVSP dành cho giảng viên	- CCHN khám chữa bệnh số 00930/HCM-CCHN ngày 20/08/2012; - GCN Tham gia lớp tập huấn Sư phạm Y học; - GCN tham gia khoá đào tạo giảng viên Hướng dẫn thực hành chăm sóc chấn thương trước viện	UD CNTT cơ bản	B	- Cấp cứu – cấp cứu ngoại viện; 2 - Lâm sàng cấp cứu ngoại viện; 2
11	Nguyễn Hữu Vinh	BS. Y Đa khoa	NVSP	- CCHN khám chữa bệnh số 005383/TG-CCHN ngày 01/04/2020;	THUD VPNC	B2	- Thực hành lâm sàng Nhi; 2
12	Trương Công Hoà	ThS. Y học; CKI. Nhi	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- Chứng chỉ quản lý bệnh viện số CQB081113	UD CNTT nâng cao	ĐH. Tiếng Anh	- Nhi; 2
13	Hoàng Nguyễn Minh Châu	CN. Công nghệ Sinh học	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		THUD VPNC	TOEIC 800	- Từ phân tử đến tế bào (Sinh học, Hóa học, Vật lý, Hóa sinh); 3
14	Nguyễn Hoàng Khôi	BS. Y học cổ truyền	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		UD CNTT cơ bản	B1	- Từ phân tử đến tế bào (Sinh học, Hóa học, Vật lý, Hóa sinh); 3
15	Việt Thị Minh Trang	ThS. Y học sản phụ khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCĐT NVSP y học cơ bản	UD CNTT cơ bản	B2	- Sản; 3 - Thực hành lâm sàng Sản; 2
16	Võ Duy Ân	BS. CKII. Chuẩn đoán hình ảnh; BS. Y khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		UD CNTT cơ bản	ĐH. Ngôn ngữ Anh	- Tâm lý người bệnh- Y đức; 2 - Thống kê y học – Nghiên cứu khoa học; 2
17	Võ Tấn Khang	ThS. Y học chức năng;	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		THUD VPNC	B2	- Y học gia đình; 2 - Y tế cộng đồng; 2

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Tin học	Ngoại ngữ	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
		BS. Y Đa khoa					
18	Đặng Lê Tú Trang	CKI. Điều dưỡng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		THUD B	ĐH. Tiếng Anh	- Từ tế bào đến các hệ cơ quan (Mô phôi, giải phẫu, sinh lý, lý sinh); 2
19	Lê Trần Thế Gia	ThS. Y học Nội khoa; BS. Y Đa khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		THUD B	B1	- Giao tiếp- Giáo dục SK trong thực hành y khoa; 2 - Tổ chức quản lý y tế; 2
20	Trần Hoa	BS. CKII. Ngoại chung	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		UD CNTT nâng cao	C	- Môi trường và sức khỏe; 2 - Ung Thư; 2
21	Nguyễn Thị Hà	BS. Y khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 004925/HCM-CCHN ngày 06/12/2012;	THUD VPNC	B	Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3; 3
22	Nguyễn Văn Luân	BS. Đa khoa	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 005779/VP-CCHN ngày 15/07/2020;	THUD VPNC	B	Thực hành lâm sàng Sản; 2
23	Nguyễn Thị Kiều Anh	BS. CKII. Da liễu	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 0027823/HCM-CCHN ngày 12/12/2014;	THUD B	B	- Lâm sàng Bệnh chuyên khoa; 3
24	Lê Ngọc Tuyết	ThS. Điều dưỡng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 0021777/HCM-CCHN ngày 03/06/2014; - CCĐT hướng dẫn giảng viên giảng dạy lâm sàng	THUD A	B	- Kỹ thuật Điều dưỡng; 2 - Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng; 2
25	Phạm Minh Sơn	CN. Điều dưỡng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 0013167/BYT-CCHN ngày 26/12/2013;	THUD CNTT cơ bản	A2	- Kỹ thuật Điều dưỡng; 2 - Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện; 2

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Tin học	Ngoại ngữ	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
				- CC Phương pháp dạy học Y học cơ bản			
26	Ngô Thị Duy	CN. Điều dưỡng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- CCHN khám chữa bệnh số 0003073/LĐ-CCHN ngày 04/01/2016;	THUD B	B	Từ tế bào đến các hệ cơ quan (Mô phôi, giải phẫu, sinh lý, lý sinh)
27	Phạm Quang Khôi	ThS Kỹ thuật; KS. Công nghệ Hóa học	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		THUD B	C	Từ phân tử đến tế bào (Sinh học, Hóa học, Vật lý, Hóa sinh)
28	Trần Thị Thúy Hằng	ThS. Y tế công cộng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ	- GCN Phương pháp giáo dục y học	UD CNTT nâng cao	B1	- Y tế cộng đồng; 2
29	Nguyễn Lê Hải Dương	CN. Y tế công cộng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		B	B	- Giao tiếp- Giáo dục SK trong thực hành y khoa; 2
30	Bùi Thị Ngọc Thơm	ThS. Hóa học	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		A	B2	Từ phân tử đến tế bào (Sinh học, Hóa học, Vật lý, Hóa sinh)
31	SALIHAH	ThS. Hóa sinh	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		A	C	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi (Vi sinh – ký sinh trùng, sinh lý bệnh, dược, sinh dưỡng)
32	Đặng Xuân Phước	ThS. Hóa sinh; CN Sinh học	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		THUD A	B	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi (Vi sinh – ký sinh trùng, sinh lý bệnh, dược, sinh dưỡng)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Tin học	Ngoại ngữ	Môn học, tín chỉ được phân công giảng dạy
33	Mai Hữu Tín	BS. Y học dự phòng	NVSP dành cho GV ĐH, CĐ		UD CNTT cơ bản	B	Tổ chức quản lý y tế; 2
34	Nguyễn Mai Tiên	CN Ngôn ngữ Anh	NVSP dành cho GV CĐ		UD CNTT Cơ bản	Đại học Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh căn bản; 5
35	Lê Thị Quỳnh	CN. Luật	NVSP dành cho GV CĐ		THUD B	B	Pháp luật; 2
36	Đào Văn Thanh	CN. Giáo dục chính trị	ĐHSP		B	B	Chính trị; 4
37	Lê Thanh Tông	KS. Công nghệ Thông tin	NVSP dành cho GV CĐ		KS. Công nghệ TT	TOEIC 705	Tin học; 2
38	Phạm Phú Tuấn	CN. Giáo dục Thể chất	NVSP		THUD B	B	Giáo dục thể chất
39	Nguyễn Hoàng Nguyên	SP. Giáo dục thể chất – Giáo dục Quốc phòng	NVSP dành cho GV CĐ		THVP	B	Giáo dục Quốc phòng An ninh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. Dương Công Hiếu